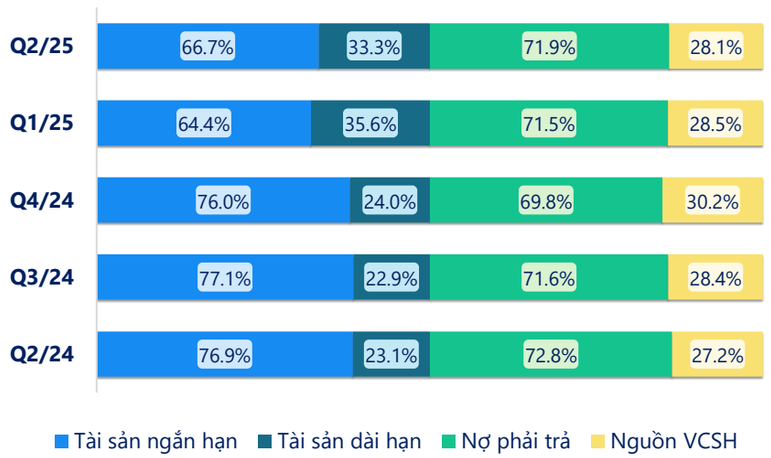
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai (UPCOM: XMC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,700
SL cổ phiếu LH	71,403,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,940
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	428
P/E	43.3
EPS	139

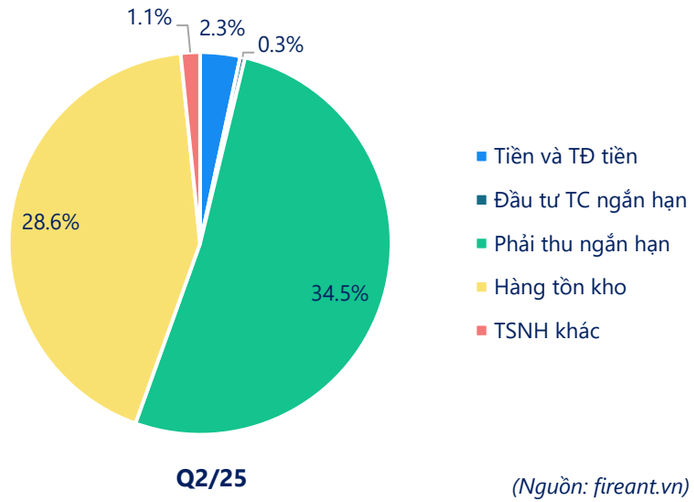
	YTD	1T	3T	6T
XMC	-10.4%	-1.6%	-9.1%	-14.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



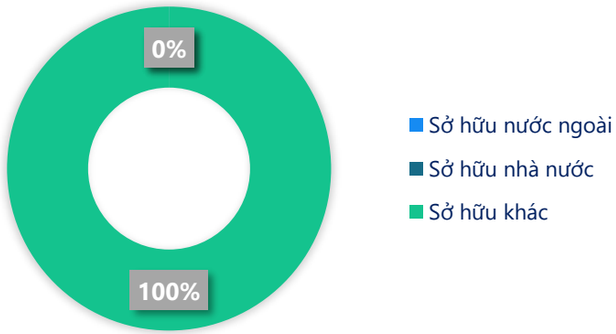
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



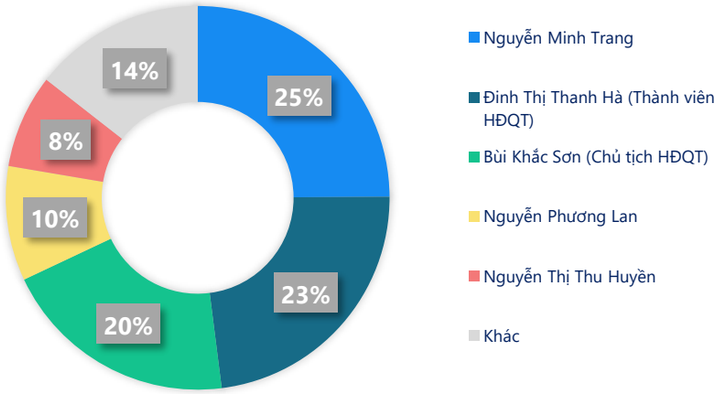
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



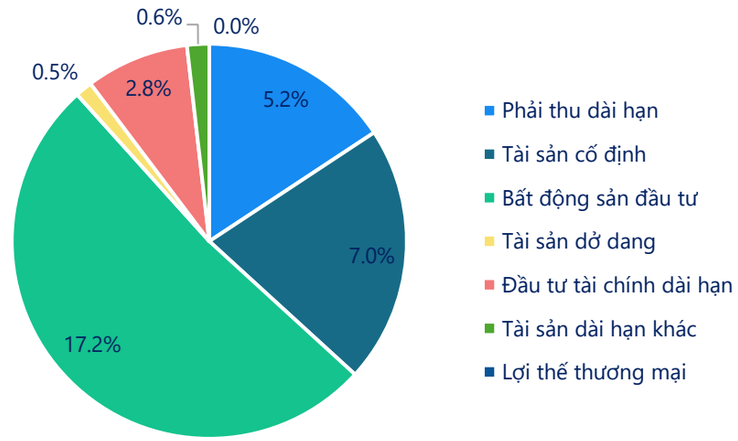
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

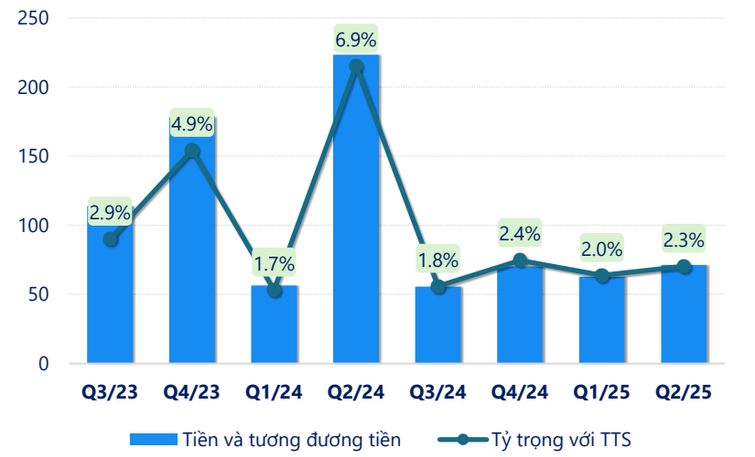


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

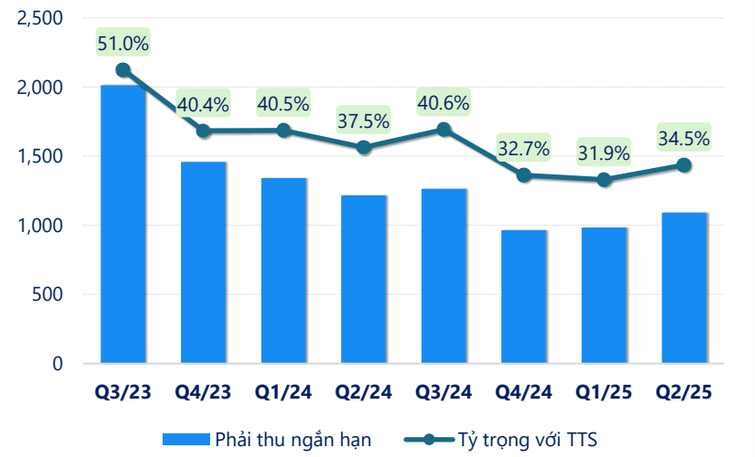
CTCP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai (UPCOM: XMC)

Tiền và tương đương tiền



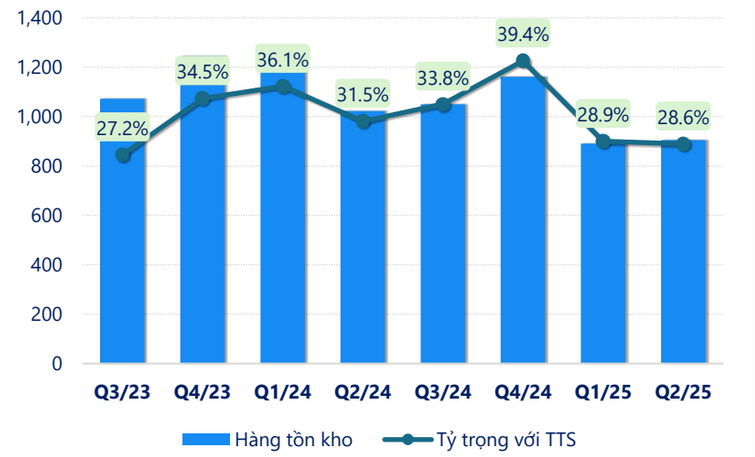
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



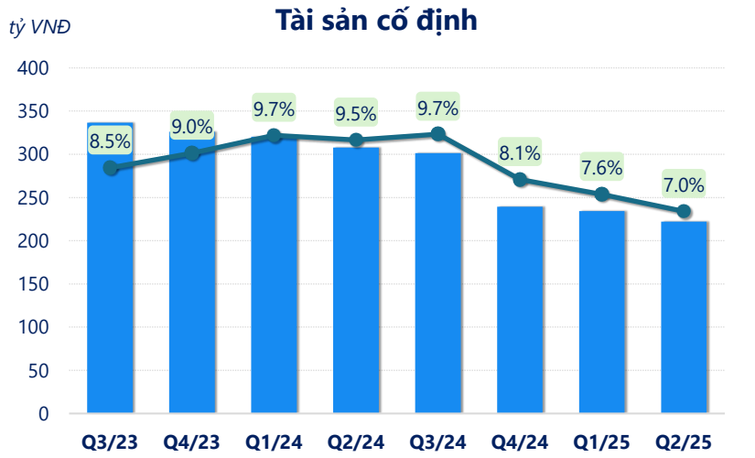
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



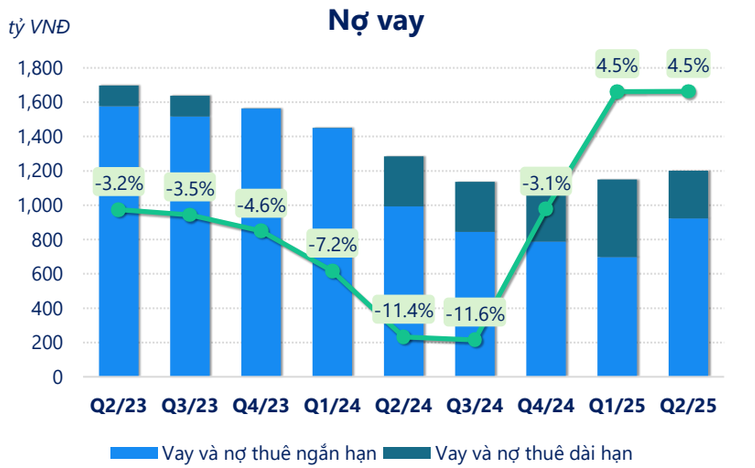
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



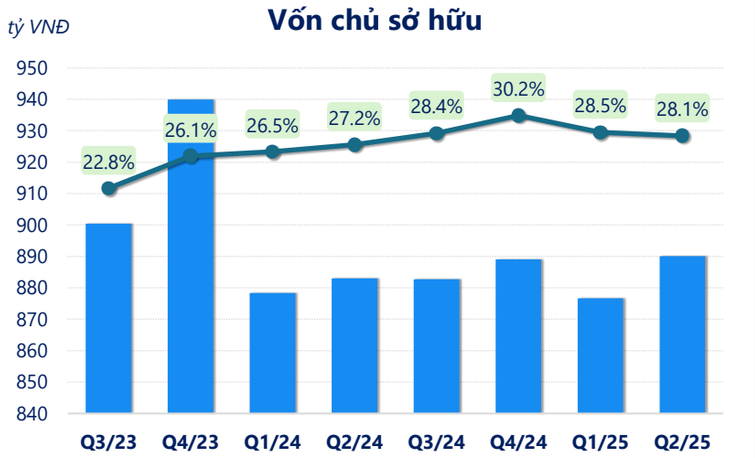
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

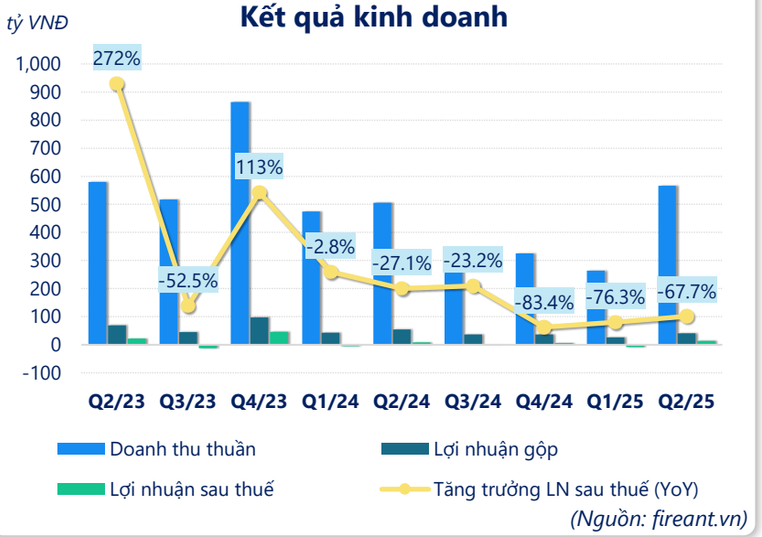


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

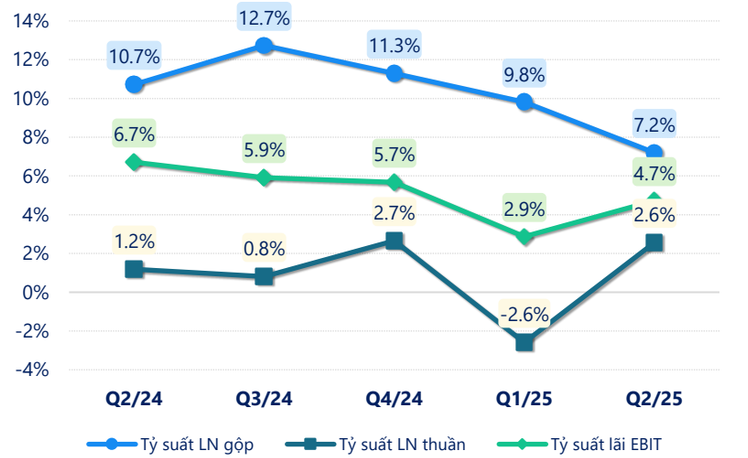
CTCP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai (UPCOM: XMC)

Kết quả kinh doanh



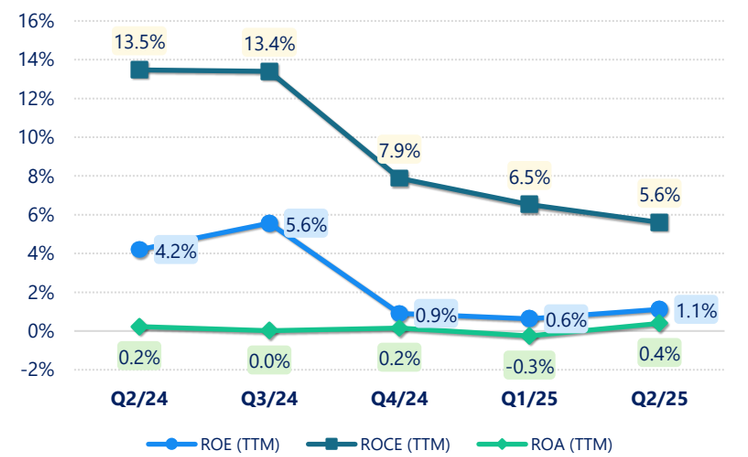
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



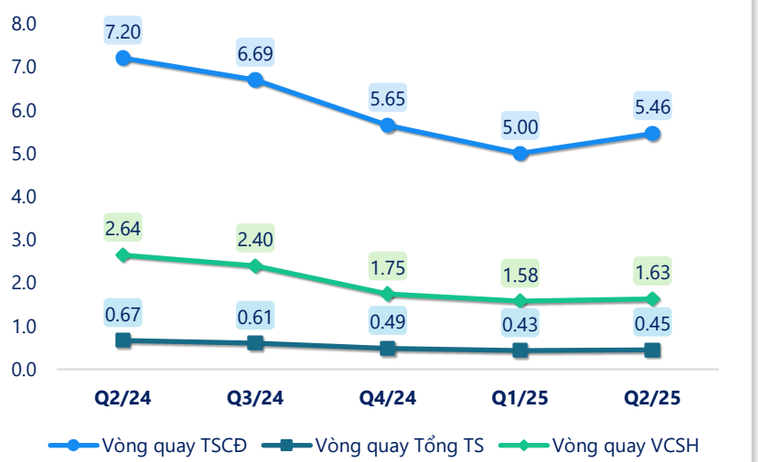
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



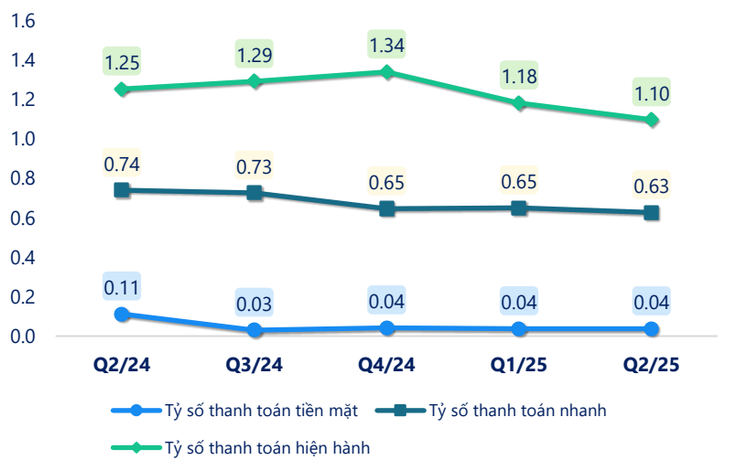
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



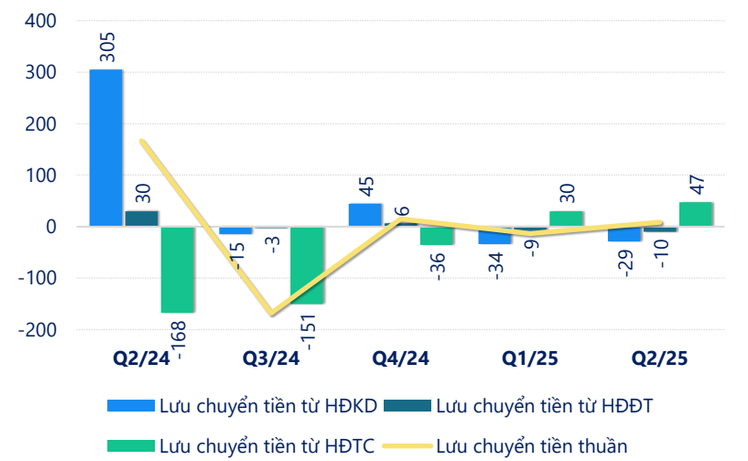
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai (UPCOM: XMC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,165**	**2,944**	**7.5%**
Tài sản ngắn hạn	2,111	2,229	-5.3%
Tiền và tương đương tiền	71.3	76.3	-6.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.54	4.04	111%
Phải thu ngắn hạn	1,091	993	9.9%
Hàng tồn kho	905	1,120	-19.2%
Tài sản ngắn hạn khác	34.4	35.1	-2.0%
Tài sản dài hạn	**1,054**	**715**	**47.5%**
Phải thu dài hạn	166	116	43.2%
Tài sản cố định	222	239	-6.9%
Bất động sản đầu tư	543	243	124%
Tài sản dở dang	14.7	12.7	16.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	89.2	89.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**19.1**	**15.9**	**20.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,275	2,056	10.6%
Nợ ngắn hạn	**1,923**	**1,671**	**15.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	922	789	16.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	467	416	12.1%
Nợ dài hạn	352	385	-8.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	279	311	-10.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**890**	**888**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**890**	**888**	**0.3%**
Vốn điều lệ	714	714	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	506	291	325	264	566
Giá vốn hàng bán	451	254	288	238	525
Lợi nhuận gộp	54.2	37.1	36.7	25.9	40.8
Doanh thu HĐTC	23.7	0.23	2.13	0.11	4.93
Chi phí TC	21.8	19.0	6.55	14.4	15.6
Chi phí lãi vay	21.7	15.3	9.94	14.4	12.6
LN trong công ty LKLD	-13.0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.69	0.71	0.70	0.79	0.57
Chi phí QLDN	36.4	15.3	23.0	17.6	15.0
LN thuần từ HĐKD	6.01	2.36	8.64	-6.83	14.5
Lợi nhuận khác	6.20	-0.48	-0.14	-0.05	-0.39
LN trước thuế	12.2	1.88	8.50	-6.87	14.2
Lợi nhuận sau thuế	8.21	-0.31	6.35	-8.16	13.3
LNST của CĐ cty mẹ	8.25	0.34	4.98	-8.05	12.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	305	-14.7	44.6	-34.1	-29.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	29.8	-2.72	6.27	-9.18	-9.85
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-168	-151	-35.7	29.7	47.4
Tiền đầu kỳ	56.4	223	55.1	76.3	62.8
Lưu chuyển tiền thuần	**167**	**-168**	**15.1**	**-13.5**	**8.47**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	-0.01	0	0.03
Tiền cuối kỳ	223	55.1	70.3	62.8	71.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic